

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Cao Minh xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án số 16-ĐA/TU. Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã; xây dựng lộ trình hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Đề án số 16-ĐA/TU; phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của xã và thống nhất với nội dung các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành.

- Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện Đề án số 16- ĐA/TU. Phân công cơ quan, đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả và đúng mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường; phát triển mạng lưới, quy mô trường, lớp một cách hợp lý gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo trên

địa bàn xã, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông,.... Cùng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học và trường chuẩn quốc gia; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Phát triển giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mạng lưới cơ sở giáo dục

Tổng số cơ sở giáo dục của cấp học mầm non, phổ thông trên địa bàn xã là 9 cơ sở, trong đó:

a) Số trường mầm non 03 trường

- Trường mầm non công lập: 03 trường.

b) Số trường phổ thông 6 trường

- Cấp tiểu học: 03 trường.

- Cấp trung học cơ sở: 03 trường

2.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo

a) Giáo dục mầm non

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đến trường đạt 40%.

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3-5 tuổi) đến trường đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

b) Giáo dục phổ thông

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đến trường đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 100%.

- Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 66,6%.

- Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập đạt trên 80%.

- Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt từ 90%.

- Xã Cao Minh duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

2.3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo

a) Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo đạt 100%.
- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo:
 - + Cấp mầm non đạt 91 %;
 - + Cấp tiểu học phân đầu đạt 1,0%;
 - + Cấp trung học cơ sở phân đầu đạt 1,0%;
- Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ đạt 100%.

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục

- Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất giáo dục của xã đạt chuẩn, tiến tới hiện đại, thân thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn xã; phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố ở các cấp học đạt từ 70%.

- Đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu ở từng cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc bán trú.

(Phụ lục: Các chỉ tiêu chủ yếu của Đề án giai đoạn 2026-2030).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt nội dung Đề án và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản về phát triển giáo dục và đào tạo

- Tổ chức quán triệt nội dung của Đề án số 16-ĐA/TU; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của các chi, đảng bộ trực thuộc, chính quyền trong việc triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, tập trung vào các nội dung: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đặc biệt là Luật Nhà giáo, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025, Luật Giáo dục đại học 2025.

2. Đổi mới quản lý giáo dục, quản trị nhà trường

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

- Sắp xếp, kiện toàn hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã đến năm 2030.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giáo dục và đào tạo; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm sự tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường thực hiện chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của lĩnh vực giáo dục và đào tạo để kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, nhà trường và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch thực hiện Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; triển khai các chương trình nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển thể chất trong các cơ sở giáo dục; đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên, học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030, tạo điều kiện để mọi người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

4. Bảo đảm công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người học

- Triển khai có hiệu quả các nội dung về phát triển giáo dục và đào tạo trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

- Duy trì các trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở

trên địa bàn xã.

- Tăng cường nguồn ngân sách nhà nước đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục; thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn, người học được hưởng các chính sách xã hội; giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ giáo dục năng khiếu và tài năng.

- Thực hiện Giáo dục hòa nhập và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục hòa nhập, bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục cho người khuyết tật, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người. Thực hiện linh hoạt các chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện học tập của người học; gắn nội dung, chương trình giáo dục và đào tạo với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách đối với nhà giáo theo quy định của Luật Nhà giáo; bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi của nhà giáo. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức nghề nghiệp, tác phong của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác quản lý biên chế; bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các cấp học. Chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; bảo đảm mặt bằng chung về chất lượng đội ngũ, tạo cơ hội công bằng cho sự thăng tiến, phát triển nghề nghiệp của nhà giáo ở tất cả loại hình cơ sở giáo dục.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính, huy động các nguồn lực đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa lớp học, đầu tư xây dựng phòng học để thay thế các phòng học bán kiên cố, phòng học nhờ, mượn. Thực hiện tốt quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn của

trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân trong xã hội để từng bước chuẩn hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục. Đầu tư xây dựng bảo đảm đủ phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học ở tất cả các cấp học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng cường cơ chế hợp tác giữa nhà trường, chính quyền và doanh nghiệp trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. Bảo đảm chính sách bình đẳng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập.

7. Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Nâng cao chất lượng dạy và học môn ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu, tham khảo các mô hình đào tạo chất lượng cao thông qua học tập kinh nghiệm từ chương trình đào tạo của các nước tiên tiến; chủ động hội nhập, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về giáo dục và đào tạo; tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh và các trường ở nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy tổ chức quán triệt và phổ biến Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện.

2. Ban Xây dựng Đảng chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt đầy đủ nội dung Đề án số 16-ĐA/TU và Kế hoạch này đến các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị, đảng viên và Nhân dân.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân xã lãnh đạo Ủy ban nhân xã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án số 16-ĐA/TU và Kế hoạch này; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian thực hiện cụ thể và đảm bảo các nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ hiệu quả; chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy về kết quả triển khai thực hiện khi có yêu cầu.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực, có trách nhiệm trong thực hiện các nội dung của Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo chức

năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân xã theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Cao Minh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, (báo cáo)
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã,
- Lãnh đạo UBND xã,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành, đoàn thể xã,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Hứa Ngọc Sỹ

**DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số -/KH-TU ngày tháng năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Cao Minh)

| STT | Mục tiêu | Kết quả giai đoạn 2021-2025 | Mục tiêu giai đoạn 2026-2030 | Ghi chú |
|------------|--|--|---|--------------------------------|
| I | MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC | | | |
| 1 | Tổng số cơ sở giáo dục | 9 cơ sở | 9 cơ sở | |
| 2 | Số lượng trường mầm non | 3 trường | 3 trường | |
| 3 | Số lượng trường phổ thông, trong đó: | 6 trường | 6 trường | |
| - | Cấp tiểu học | 03 trường | 03 trường | |
| - | Cấp trung học cơ sở | 03 trường | 03 trường | |
| 4 | Số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú | 06 | 06 | Duy trì 06 trường PTDT bán trú |
| II | CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | | |
| | Giáo dục mầm non | | | |

| | | | | |
|----|---|-------|-------|--|
| 5 | Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đến trường | 38,7% | >40% | |
| 6 | Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3-5 tuổi) đến trường | 100% | 100% | |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường | 100% | 100% | |
| 8 | Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 02 buổi/ngày | 100% | 100% | |
| 9 | Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia | 0% | 0% | |
| | Giáo dục phổ thông | | | |
| 10 | Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 | 100% | 100% | |
| 11 | Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đến trường | 100% | 100% | |
| 12 | Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học | 100% | 100% | |
| 13 | Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở | 100% | 100% | |
| 14 | Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia | 33,3% | 66,6% | |

| | | | | |
|------------|--|--|---|--|
| 15 | Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập | 79% | > 80% | |
| 16 | Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 | 89,3% | >90% | |
| 17 | Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | <ul style="list-style-type: none"> - Đạt phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi. - Đạt phổ cập GDTH mức độ 3; phổ cập GDTHCS mức độ 2. - Đạt xóa mù chữ mức độ 2. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Đạt phổ cập GDTH mức độ 3; phổ cập GDTHCS mức độ 2. - Đạt xóa mù chữ mức độ 2. | |
| III | ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | | |
| 18 | Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo | 93,1% | 100% | |
| 19 | Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó: | | | |

| | | | | |
|----|---|-------|------|--|
| - | Cấp mầm non | 91% | 91% | |
| - | Cấp tiểu học | 0% | 1,0% | |
| - | Cấp trung học cơ sở | 0% | 1,0% | |
| 20 | Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ | | | |
| - | Cấp tiểu học | 83,3% | 100% | |
| - | Cấp trung học cơ sở | 100% | 100% | |